

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2025/HS-ST  
Ngày 28 - 8 - 2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Xuân Chính

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1); Địa chỉ: Số 1 đường P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Đặng Thanh L, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1982, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 371/30/6 T, khu phố C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số C T, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở hiện tại: A Ni Sư H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số A Ni Sư H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc Q, sinh năm: 1949 và bà Lê Thị Thanh X, sinh năm: 1959; hoàn cảnh gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 14/11/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 14/11/2024, tại khu vực trước nhà số 1 đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ công tác Công an P, quận T tiến hành kiểm tra và phát hiện, bắt quả tang Đặng Thanh L đang cầm trên tay 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của L tại phòng trọ số A, nhà số A đường N, Phường A, quận T, Cơ quan Công an phát hiện và thu giữ thêm: 02 gói nylon chứa chất bột màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại Heroine, có khối lượng

0,7227 gam và 05 đoạn ống hút nhựa, hai đầu hàn kín, bên trong chứa chất bột màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại Heroine, có khối lượng 0,3202 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Thanh L khai nhận: Nguồn gốc ma túy bị thu giữ là của một nam thanh niên tên “Queo” (không rõ lai lịch, địa chỉ) tại khu vực cầu N, Quận H. L khai đã nhiều lần mua ma túy của “Queo”, mỗi lần mua với số tiền 1.000.000 đồng/gói để sử dụng và bán lại cho người nghiện kiếm lời. Lần gần nhất, ngày 13/11/2024, L mua 01 gói Heroine với giá 1.000.000 đồng, mang về phòng trọ phân chia thành 04 gói nylon nhỏ và 05 đoạn ống hút. Sau đó, L đã bán 01 gói với giá 500.000 đồng, 01 gói bị thu giữ khi bắt quả tang, còn lại 02 gói và 05 đoạn ống cất giấu tại phòng trọ, đã bị thu giữ khi khám xét. Ngoài ra, trước khi bị bắt, L đã 03 lần bán ma túy cho Đào Duy T, cụ thể: lần thứ nhất (không nhớ ngày), L bán cho T 01 gói Heroine tại trước số A B, Phường A, quận T, T trả tiền mặt; lần thứ hai, ngày 08/11/2024, L bán cho T 01 gói Heroine tại trước nhà số F B, Phường A, quận T, T chuyển khoản số tiền 500.000 đồng vào tài khoản số 0901446031 của L mở tại Ngân hàng M và lần thứ ba, ngày 10/11/2024, L bán cho T 01 gói Heroine tại gần Trường Tiểu học T2, số A Đ, Phường A, quận T, T cũng chuyển khoản thanh toán tiền mua ma túy cho L.

Lời khai của Đào Duy T phù hợp với lời khai của Đặng Thanh L về việc trong khoảng thời gian trước ngày bị bắt quả tang, T đã 03 lần liên hệ với L để đặt mua ma túy loại Heroine nhằm mục đích sử dụng cho cá nhân. Cụ thể, cả hai thống nhất về thời gian, địa điểm giao nhận, số lượng và giá tiền của từng lần mua bán. Lời khai này còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, kết quả nhận dạng, cũng như kết quả xét nghiệm, qua đó có đủ cơ sở xác định Đào Duy T là người đã nhiều lần mua ma túy của Đặng Thanh L để sử dụng. Kết quả test nhanh ma túy cho thấy: Đặng Thanh L và Đào Duy T đều dương tính với chất ma túy.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 4286/24, hình dấu của Công an P, quận T và chữ ký của Giám định viên Huỳnh Thanh T1;

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 4286/24, hình dấu của Công an P1, quận T, chữ ký của Giám định viên Huỳnh Thanh T1;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A52s 5G, màu trắng, số IMEI 1: 350346452115101, số IMEI 2: 350895262115107, số sim thuê bao: 0901446031;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Attila, màu đen, biển số 54P5 – 3091, số khung: GD7D-049279, số máy: BED-049279.

Theo Kết luận giám định số 13640/KL-KTHS ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận:

“- Gói 01: Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m1 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3447g (không thấy ba bốn bốn bảy gam), loại Heroine.

- Gói 02:

+ Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m2 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,7227g (không thấy bảy hai hai bảy gam), loại Heroine.

+ Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m3 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,3202g (không thấy ba hai không hai gam), loại Heroine.

Heroine (H1), có tên khoa học là: *Diacetylmorphine*, được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất).

Tại Bản cáo trạng số 11/CTr-VKS-KV4 ngày 10 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đặng Thanh L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đồng thời xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Thanh L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Thanh L mức án từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy 02 (một) gói ma túy thu giữ được trong vụ án; tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A52s 5G và 01 (một) xe mô tô hiệu Attila, màu đen, biển số 54P5 – 3091.

Bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu; bị cáo không có ý kiến bào chữa và không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét, chiếu cố áp dụng mức hình phạt nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Đặng Thanh L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bao gồm: lời khai của những người chứng kiến Đặng Duy K và Huỳnh

Nhật H; lời khai của đối tượng Đào Duy T; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Kết luận giám định cùng các vật chứng thu giữ trong vụ án, từ đó đã đủ cơ sở kết luận: Do nghiện ma túy và cần tiền sử dụng, Đặng Thanh L nhiều lần mua ma túy của một người tên Q1 (chưa rõ lai lịch) tại khu vực cầu N, Quận H mang về phân nhỏ để bán lại kiếm lời, trong đó đã ba lần bán cho Đào Duy T. Ngày 13/11/2024, L mua 01 gói ma túy với giá 1.000.000 đồng, chia thành 04 gói, đã bán 01 gói với giá 500.000 đồng, còn lại 03 gói cất giấu trong người và phòng trọ nhằm bán tiếp nhưng chưa kịp giao dịch thì bị phát hiện, bắt giữ. Kết luận giám định của Phòng K1 – Công an Thành phố H xác định tổng khối lượng ma túy thu giữ là 1,3876 gam Heroine. Như vậy, hành vi của Đặng Thanh L1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh, điểm khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội và các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, đồng thời tạo điều kiện cho tệ nạn ma túy lan rộng, làm gia tăng sự phức tạp của tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Xét tính chất, mức độ của vụ án là rất nghiêm trọng, ma túy là một tệ nạn xã hội đặc biệt nguy hiểm, không chỉ hủy hoại sức khỏe con người mà còn là nguyên nhân làm lây lan, phát triển căn bệnh HIV/AIDS và kéo theo nhiều loại tội phạm khác. Do tính chất, hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đó, Đảng và Nhà nước ta, cũng như các quốc gia trên thế giới, luôn kiên quyết đấu tranh, loại trừ tội phạm về ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhận thức rõ tác hại của ma túy, nhưng vì mục đích có tiền sử dụng ma túy đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, trở thành người bán lẻ Heroine cho các đối tượng nghiện khác, tiếp tay cho hoạt động mua bán ma túy. Hành vi này thể hiện thái độ coi thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục riêng, phòng ngừa chung, đồng thời tạo điều kiện để bị cáo cai nghiện, sửa chữa lỗi lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Sau khi xem xét hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, cũng như đối chiếu với các quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo không có tình tiết nào thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn, hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ nêu trên.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính, việc áp dụng hình phạt bổ sung là cần thiết. Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

Quy định này nhằm bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa chung và thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật đối với loại tội phạm ma túy vốn gây ra nhiều hệ lụy đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, phạm tội do động cơ vụ lợi, đã trực tiếp tham gia vào hoạt động mua bán ma túy trái phép. Vì vậy, ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, cần thiết phải áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền để tước bỏ một phần lợi ích vật chất mà bị cáo có thể có được từ hành vi phạm tội, đồng thời góp phần giáo dục, răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án cũng như điều kiện kinh tế thực tế của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung, phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Về khoản thu lợi bất chính: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận có mua ma túy từ đối tượng tên Q1, sau đó bán lại cho các con nghiện khác và có hưởng lợi vật chất từ hành vi mua bán ma túy. Tuy nhiên, lời khai của bị cáo chỉ mang tính chất chung chung, không xác định được số lần, số lượng cũng như số tiền cụ thể mà bị cáo đã thu lợi. Cơ quan tiến hành tố tụng cũng không thu giữ được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh giá trị khoản lợi bất chính mà bị cáo thu được. Do đó, chưa có căn cứ vững chắc để xác định bị cáo đã thu lợi bất chính bao nhiêu và buộc bị cáo phải nộp lại khoản tiền này sung công quỹ Nhà nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý đối với khoản thu lợi bất chính trong vụ án này.

[7.2] Cơ quan Công an thu giữ 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 4286/24, hình dấu của Công an P, quận T và chữ ký của Giám định viên Huỳnh Thanh T1 và 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 4286/24, hình dấu của Công an P1, quận T, có chữ ký của Giám định viên Huỳnh Thanh T1 - là chất ma túy thuộc danh mục Nhà nước cấm tàng trữ. Đây là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

[7.3] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A52s 5G, màu trắng, số IMEI 1: 350346452115101, số IMEI 2: 350895262115107, số sim thuê bao: 0901446031 là phương tiện bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7.4] Đối với chiếc xe mô tô hiệu Attila, màu đen, biển số 54P5 – 3091, số khung GD7D-049279, số máy BED-049279: Đây là phương tiện bị cáo L đã dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Kết quả điều tra xác định xe mang tên bà Nguyễn Thị L2 theo Giấy chứng nhận đăng ký, tuy nhiên bà L2 khai đã bán chiếc xe này từ trước cho người khác nhưng không nhớ rõ thời điểm, nhân thân và địa chỉ người mua. Bị cáo L khai có mua lại chiếc xe để sử dụng, việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập giấy tờ, đồng thời không xác định được người bán. Do đó, hiện nay chưa có căn cứ xác định chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe. Xét thấy, chiếc xe nêu trên là vật chứng của vụ án, cần được xử lý theo quy định pháp luật. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu (nếu có), cần giao chiếc xe cho Cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, đồng thời thực hiện việc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng nhằm xác định chủ sở hữu hợp pháp. Trường hợp sau thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo công khai mà không có cá nhân, tổ chức nào chứng minh được quyền

sở hữu hợp pháp thì căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử thấy: phần đề nghị về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng là có căn cứ nên chấp nhận. Tuy nhiên, đối với mức án mà Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy chưa phản ánh đúng tính chất, mức độ nguy hiểm đặc biệt nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Bị cáo đã trực tiếp tham gia vào hoạt động mua bán trái phép chất ma túy, tiếp tay cho tệ nạn ma túy lây lan, gây nguy hại lớn đến sức khỏe con người, trật tự an toàn xã hội và kéo theo nhiều hệ lụy tội phạm khác. Trong bối cảnh tội phạm ma túy đang gia tăng với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp, việc áp dụng mức án như Viện kiểm sát đề nghị là quá nhẹ, không đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung; thậm chí có nguy cơ tạo ra tiền lệ khoan hồng không đúng mức, làm giảm hiệu lực, hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận mức án mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

[9] Đối với đối tượng tên “Queo” mà bị cáo L khai là người đã bán ma túy cho bị cáo, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Khi có căn cứ xác định cụ thể, sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với Đào Duy T: Kết quả điều tra cho thấy T có hành vi mua ma túy từ bị cáo L nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Tuy nhiên, do không thu giữ được vật chứng nên không có căn cứ pháp lý để xác định chính xác loại, hàm lượng và trọng lượng chất ma túy. Vì vậy, hành vi của T không đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, việc Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Mặt khác, kết quả xét nghiệm cho thấy T là người nghiện ma túy, đồng thời không có nơi cư trú ổn định; do đó, cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành lập hồ sơ và áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là đúng quy định.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng.

[12] Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1, khoản 3 Điều 329 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Đặng Thanh L 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đặng Thanh L trong thời hạn 45 ngày để bảo đảm thi hành án, theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đặng Thanh L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu) đồng để sung công quỹ nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 4286/24, hình dấu của Công an P, quận T và chữ ký của Giám định viên Huỳnh Thanh T1 và 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 4286/24, hình dấu của Công an P1, quận T và chữ ký của Giám định viên Huỳnh Thanh T1.

3.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52s 5G, màu trắng, số IMEI 1: 350346452115101, số IMEI 2: 350895262115107, số sim thuê bao: 0901446031.

3.3. Giao chiếc xe mô tô hiệu Attila, màu đen, biển số 54P5 – 3091, số khung: GD7D-049279, số máy: BED-049279 cho Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh quản lý và thực hiện việc thông báo công khai tìm chủ sở hữu hợp pháp trên phương tiện thông tin đại chúng. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo công khai mà không có cá nhân, tổ chức nào chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp thì tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 92/PNK ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đặng Thanh L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- VKSND khu vực 4 - TPHCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực Tân Bình;
- Bị cáo;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Xuân Chính**





